

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 04/2020



MỤC LỤC tháng 04/2020

1

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

2

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- Thông báo về việc Nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.8
- Khấu trừ thuế GTGT, hạch toán chi phí được trừ khi tính thuế TNDN thế nào?
- Thông báo về việc khai sai dữ liệu trên hồ sơ khai thuế và hướng dẫn khai bổ sung, điều chỉnh

3

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Nghị định số:28/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ.
- Thông tư số:01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 03 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Thông tư số:14/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính.

4

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 04/2020

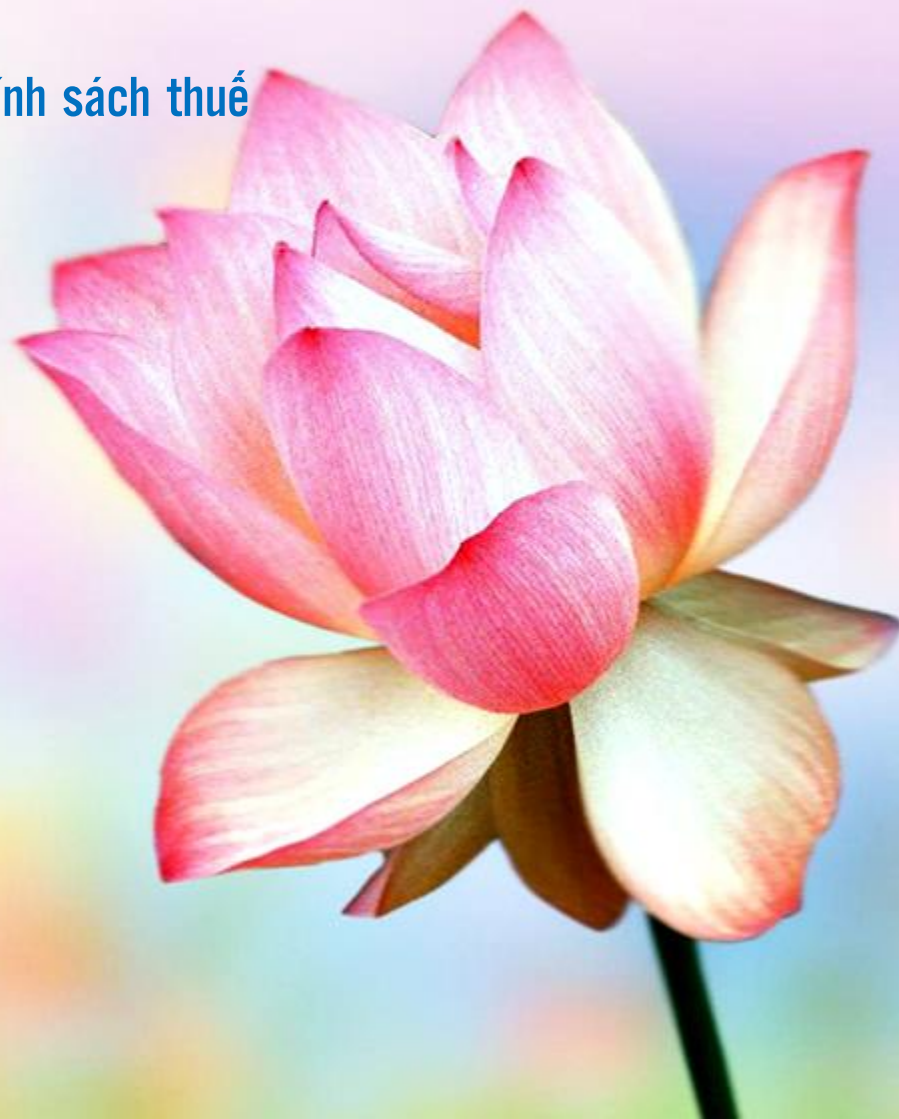
HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 9

Hỏi đáp

10 -12

Các công văn liên quan đến chính sách thuế



HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Kính gửi Bộ tài chính! Tôi hiện nay đang là công chức kế toán tại UBND xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, tôi có 2 thắc mắc nhỏ sau kính nhờ Quý Bộ trả lời giúp ạ!

1. Tôi đang kiêm nhiệm kế toán của Ban quản lý dự án (BQLDA) xã. Đặc thù ở địa bàn là khi có 1 công trình mới khởi công do BQLDA xã quản lý thì lại có 1 Quyết định kiện toàn ban quản lý. Vậy quý Bộ có thể cho tôi hỏi là với trường hợp này, tôi sẽ được thanh toán Phụ cấp kiêm nhiệm tối đa hàng tháng là 50% hay 100% theo quy định tại Thông tư 72/2017/TT-BTC ạ (BQLDA của tôi hiện đang quản lý khoảng 30 công trình).

2. Cũng với trường hợp như trên, tôi hiện đã nhận được khoản công tác phí là 200.000đ/tháng từ nguồn kinh phí thường xuyên. Vậy quý Bộ cho tôi hỏi là tôi chỉ được phép thanh toán tối đa thêm 300.000đ/tháng nữa bên chi phí BQLDA hay vẫn có thể cao hơn theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ạ? Tôi xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, người được phân công làm việc kiêm nhiệm quản lý dự án được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án với mức chi phụ cấp một dự án một tháng tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương một tháng của cá nhân đó. Tổng mức phụ cấp của tất cả các dự án làm kiêm nhiệm tối đa bằng 100% mức lương cấp bậc, phụ cấp lương được hưởng.

Người được phân công làm việc kiêm nhiệm quản lý dự án không được hưởng khoản tiền công tác phí theo tháng, được thanh toán tiền công tác phí cho thời gian thực tế đi công tác theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Cơ quan tôi có tổ chức Hội nghị, thành phần đại biểu có đại biểu không hưởng lương ngân sách, khi chi tiền ăn, nước uống cho đại biểu không hưởng lương có phải danh sách ký nhận của từng đại biểu không hay chỉ cần lập danh sách có xác nhận của đơn vị tổ chức và hoá đơn tiền ăn, nước uống của tất cả đại biểu không hưởng lương. Tôi xin cảm ơn.

**Trả lời:**

1. Về chế độ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp:

Tại khoản 6 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; trong đó quy định nội dung chi hỗ trợ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp gồm tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại.

2. Quy định về hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị:

Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định như sau:

“1. Văn bản, kế hoạch tổ chức hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và bảng kê thanh toán đối với các khoản chi bằng tiền cho người tham dự hội nghị theo quy định tại Thông tư này (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn, chứng từ thanh toán”.

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Tôi là chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo, đơn vị tôi thanh toán chế độ công tác phí tập huấn chuyên môn nghiệp vụ hàng năm do Bộ, Sở tổ chức từ 2 đến 4 ngày bao gồm tiền phòng nghỉ và tiền đi lại, không thanh toán tiền lưu trú theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC quy định. Đơn vị tôi thanh toán như vậy có đúng không?

**Trả lời:**

1. Về chế độ đối với cán bộ tham dự lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ: Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định: “2. Chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sử dụng nguồn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”.

2. Tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC thì phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác). Điều kiện để được thanh toán công tác phí theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Điều 10 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định về chứng từ thanh toán công tác phí.

Ngoài ra tại Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC đã quy định cụ thể việc thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các cơ quan, đơn vị ở địa phương); quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan trung ương khác (đối với cơ quan, đơn vị thuộc trung ương) và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Thực hiện QĐ số 686/QĐ-BTC ngày 19/4/2019 về việc luân phiên, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác. tôi hiện đang giữ chức vụ phó phòng phụ trách công tác quản trị, công tác quản lý tài chính, tài sản được 15 năm. như vậy đổi chiều theo quy định tôi có phải buộc điều chuyển sang phòng khác trong cơ quan không? Rất mong quý bộ giải đáp giúp, xin cảm ơn

**Trả lời:**

Tại Quyết định số 686/QĐ/BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định:

- Thời hạn phải thực hiện luân phiên lĩnh vực công tác phụ trách trong nội bộ đơn vị đối với chức danh Phó trưởng Phòng trong nội bộ Phòng là từ 03-05 năm.
- Thời hạn phải xem xét, thực hiện điều động sang đơn vị công tác khác: sang Phòng và tương đương khác thuộc Cục: Tối đa 08 năm.

Theo như nội dung trình bày trong câu hỏi thì ông đã có thời gian giữ chức vụ Phó trưởng phòng phụ trách công tác quản trị, công tác hành chính, quản lý tài chính, tài sản được 15 năm, nhưng ông không nêu rõ khoảng thời gian phụ trách từng lĩnh vực phân công cụ thể và trong 15 năm này ông công tác tại một phòng hay nhiều phòng khác nhau.

Ngoài ra, ông không nêu rõ hiện nay ông có phải là công chức của các đơn vị thuộc ngành dọc của Bộ Tài chính hay không? Vì Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 19/4/2019 chỉ áp dụng đối với công chức, viên chức của Bộ Tài chính.

Trường hợp ông là công chức các đơn vị thuộc ngành dọc của ngành Tài chính đề nghị ông trao đổi với bộ phận Tổ chức cán bộ của đơn vị để được giải đáp theo quy định.

HỎI ĐÁP

5. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính: Tôi có một vấn đề về thuế TNDN và thuế GTGT như sau. Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần chi phí chi thường xuyên, thu từ các hoạt động dịch vụ Giám sát và quản lý dự án, viết phần mềm, quản trị mạng cho các cơ quan đơn vị, cho thuê phòng máy tính, hợp tác với các trường đại học mở lớp đào tạo và thi chứng chỉ tin học. Như vậy thì đơn vị tôi phải nộp thuế TNDN là 2% và thuế GTGT là 0% có đúng hay không. Kính mong Bộ Tài chính sớm trả lời giúp tôi.

Trả lời:

Căn cứ Khoản 13 Khoản 21 Điều 4 và Điểm b Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính

Căn cứ Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp đơn vị của độc giả là đơn vị sự nghiệp, kê khai nộp thuế theo phương pháp trực tiếp, có thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác phải kê khai, nộp thuế GTGT và TNDN theo quy định như sau:

- Đối với hoạt động đào tạo theo quy định tại Khoản 13, Điều 4, Thông tư số 219/2013/TT-BTC thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu.

- Đối với hoạt động viết phần mềm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 5% trên doanh thu.

- Đối với các hoạt động khác của đơn vị áp dụng tỷ lệ 5% trên doanh thu để tính thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 5% trên doanh thu.

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Theo thắc mắc của ông Nguyễn Văn Nam, đơn vị lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng và đơn vị thực hiện khảo sát xây dựng có thể trùng nhau không hay phải là hai đơn vị độc lập?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thì “Nhiệm vụ khảo sát xây dựng do nhà thầu thiết kế lập. Trường hợp chưa lựa chọn được nhà thầu thiết kế, người quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng”. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP không quy định việc đơn vị thực hiện khảo sát xây dựng phải độc lập với đơn vị lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng.

Khoản 2, Điều 6, Luật Đấu thầu năm 2013 và Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu không quy định rõ đơn vị thực hiện khảo sát xây dựng phải độc lập với đơn vị lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng.

7. Hỏi:

Trường hợp nộp hồ sơ QTT TNCN sau thời gian quy định (sau ngày 30/03/2020) hoặc không nộp hồ sơ QTT TNCN thì có bị phạt không và mức phạt như thế nào?

Trả lời:

- Cá nhân có số thuế nộp thừa nếu không nộp hồ sơ quyết toán thuế (do không có nhu cầu hoàn thuế) hoặc muốn hoàn thuế nhưng nộp hồ sơ sau ngày 30/03/2020 thì không bị phạt. (Cá nhân có số thuế nộp thừa có thể nộp hồ sơ QTT vào bất kì thời điểm nào trong năm);

- Cá nhân có số thuế TNCN phải nộp thêm năm 2019 và nộp hồ sơ QTT sau ngày 30/3/2020 thì sẽ bị áp dụng xử phạt hành chính (Căn cứ Điều 9 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 và khoản 3 Điều 3 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính)

Nộp tiền chậm nộp tiền thuế TNCN tính như sau: Số tiền chậm nộp = Số tiền thuế chậm nộp X 0,03% X Số ngày chậm nộp.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn 866/TCT-CS ngày 02 tháng 03 năm 2020 về chính sách thuế đối với chuyển nhượng vốn .

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 161019/GUYOMARC ngày 16/10/2019 về chính sách thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn tại nước ngoài. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 của Quốc hội
- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ
- Căn cứ quy định tại tiết c khoản 2 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN

Trường hợp Invivo Group chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần của Invivo Group tại NEOVIA (tức là gián tiếp chuyển nhượng 100% cổ phần tại GUYOMARC'H VIET NAM và 70% GUYOMARC'H VCN) cho Tập đoàn Archer Daniels Midland (ADM) có phát sinh thu nhập thì khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng vốn nêu trên thuộc đối tượng chịu thuế TNDN tại Việt Nam tương ứng với giá trị cổ phần phát sinh tại Việt Nam được chuyển nhượng theo quy định tại nội luật.

Trường hợp Công ty đề xuất xem xét áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp, Công ty cần nộp hồ sơ Thông báo

miễn giảm thuế theo Hiệp định đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp đề cơ quan thuế có căn cứ xem xét, hướng dẫn theo quy định của pháp luật.

2. Công văn số 9931/CT-TTHT ngày 06 tháng 03 năm 2020 về việc đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN tự in trên máy tính.

Trả lời công văn số 09/2020/CV-DXMB ngày 26/02/2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Địa ốc Đất xanh Miền bắc về đăng ký sử dụng Chứng từ khấu trừ thuế TNCN tự in trên máy tính, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Theo hướng dẫn tại văn bản số 1980/TCT-TNCN ngày 08/6/2010 của Tổng cục Thuế về việc triển khai thực hiện Thông tư số 37/2010/TT-BTC, Cục Thuế TP Hà Nội thông báo:

1) Chấp thuận để Công ty được sử dụng 01 mẫu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tại Thành phố Hà Nội (Theo mẫu tại Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính) thay thế mẫu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân do Bộ Tài chính phát hành và có hiệu lực kể từ ngày ban hành công văn này.

2) Công ty có trách nhiệm phát hành, quản lý, sử dụng 01 mẫu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trên và thanh quyết toán số chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân do Bộ Tài chính phát hành với Cục Thuế TP Hà Nội theo đúng quy định và thực hiện báo cáo hàng quý theo Điều 5 Thông tư 37/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

3. Công văn số 10272/CT-TTHT ngày 09 tháng 03 năm 2020 về việc khai thuế đối với doanh nghiệp mới thành lập

Trả lời công văn số 002/022020/CV-R1CV ngày 13/02/2020 của Công ty TNHH R1 CONCEPTS VIETNAM hỏi về thực hiện chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty thành lập ngày 06/01/2020, có vốn đầu tư 100% nước ngoài thì:

1. Về kê khai thuế theo tháng và quý:

+ Thuế GTGT: Công ty khai thuế GTGT theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch tiếp theo sẽ căn cứ theo mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế GTGT theo tháng hay theo quý theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

+ Về thuế TNCN: Công ty có phát sinh khấu trừ thuế TNCN thì khai thuế theo tháng hoặc quý. Trường hợp trong tháng hoặc quý, Công ty không phát sinh khấu trừ thuế TNCN thì không phải khai thuế TNCN theo quy định. Việc khai thuế theo tháng hoặc quý được xác định một lần (áp dụng cho cả năm) theo hướng dẫn tại điểm a2 Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN và quyết toán thuế TNCN thay cho các cá nhân có ủy quyền không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

2. Về thuế nhà thầu: Đề nghị Công ty nghiên cứu Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính để thực hiện nếu thuộc đối tượng áp dụng.

3. Trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã chính thức có hiệu lực thì đề nghị Công ty nghiên cứu Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính và nội dung Hiệp định để thực hiện.

4. Công văn số 979/TCT-KK ngày 10 tháng 03 năm 2020 về việc khấu trừ thuế GTGT 2% đối với công trình XDCB bằng nguồn vốn ngân sách qua Kho bạc nhà nước.

Tổng cục Thuế nhận được Công văn số 7853/CT-TTHT ngày 25/12/2019 của Cục Thuế tỉnh Hải Dương v/v khấu trừ thuế GTGT 2% đối với công trình XDCB bằng nguồn vốn ngân sách qua Kho bạc nhà nước. Về việc này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 về căn cứ tính thuế và giá tính thuế;

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 28 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định nêu trên: Đối với công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, khi chủ đầu tư làm thủ tục thanh toán, Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản giao dịch có trách nhiệm khấu trừ số thuế GTGT để nộp vào ngân sách nhà nước theo tỷ lệ quy định là 2% trên số tiền thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản. Số thuế GTGT do Kho bạc nhà nước khấu trừ theo chứng từ thanh toán này được trừ vào số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế là đơn vị nhận thầu.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

5. Công văn số 12412/CT-TTHT ngày 18 tháng 03 năm 2020 về việc hóa đơn trả lại hàng hóa

Trả lời công văn số 013/2020/ALVN-CV đề ngày 07/02/2020 của Công ty TNHH ALPS Electric Việt Nam (sau đây gọi là “Công ty”) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty bán hàng cho khách hàng là doanh nghiệp chế xuất, Công ty được bán hàng thu ngoại tệ theo quy định của pháp luật, khi bán hàng Công ty lập hóa đơn, ghi đồng tiền thanh toán là Đô la Mỹ, sau đó, doanh nghiệp chế xuất phát hiện hàng hóa bị lỗi phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hóa thì khi trả lại hàng, doanh nghiệp chế xuất lập hóa đơn theo hướng dẫn tại Điểm 2.8 Khoản 2 Phụ lục 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng Đô la Mỹ, tỷ giá ghi trên hóa đơn trả lại hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh giữa hóa đơn bán hàng và hóa đơn trả lại hàng hóa, Công ty thực hiện hạch toán theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 96/2015/TT-BTC

6. Công văn số 13120/CT-TTHT ngày 20 tháng 03 năm 2020 về việc quyết toán thuế TNCN

Trả lời công văn số 2033/TCKT ngày 14/02/2020 của Tổng Công ty chuyển phát nhanh bưu điện - CTCP hỏi về quyết toán thuế TNCN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp trong năm 2019, các cá nhân được điều chuyển

từ Công ty phát hành báo chí Trung ương sang Tổng Công ty và hiện tại đang làm việc tại Tổng Công ty, việc điều chuyển trên đáp ứng điều chuyển người lao động giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống thì các cá nhân này được phép ủy quyền quyết toán thuế TNCN năm 2019 cho Tổng Công ty đối với cả phần thu nhập nhận được từ Công ty phát hành báo chí Trung ương nếu thuộc đối tượng được ủy quyền.

7. Công văn số 1357/TCT-CS ngày 31 tháng 03 năm 2020 về việc hóa đơn điện tử.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 83521/CT-TTHT ngày 5/11/2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về hóa đơn điện tử. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Căn cứ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ về hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
2. Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành hóa đơn điện tử
3. Căn cứ Điều 9 và Điều 32 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Trường hợp cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử thì trước khi cơ sở kinh doanh khởi tạo hóa đơn điện tử phải lập Thông báo phát hành hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- 14 Thông báo về việc Nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.8
- 15 Khấu trừ thuế GTGT, hạch toán chi phí được trừ khi tính thuế TNDN thế nào?
- 16 - 21 Thông báo về việc khai sai dữ liệu trên hồ sơ khai thuế và hướng dẫn khai bổ sung, điều chỉnh



Thông báo về việc Nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.8

Tổng cục Thuế thông báo nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.8 đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính Phủ về việc Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất đồng thời cập nhật nội dung phát sinh sau khi triển khai phiên bản HTKK 4.3.7, cụ thể như sau:

- Nâng cấp ứng dụng bổ sung chức năng lập “Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất”: Hỗ trợ nhập, xóa, sửa, in, nhập lại, kết xuất XML, kết xuất Excel, tải báo cáo từ XML, tra cứu hướng dẫn kê khai từng chỉ tiêu.
- Cập nhật chức năng kết xuất tờ khai Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí (BC7/AC): Cập nhật tên file khi kết xuất XML, kết xuất Excel

Bắt đầu từ ngày 17/04/2020, khi lập hồ sơ khai thuế có liên quan đến nội dung nâng cấp nêu trên, tổ chức, cá nhân nộp thuế sẽ sử dụng các chức năng kê khai tại ứng dụng HTKK 4.3.8 thay cho các phiên bản trước đây.

Tổ chức, cá nhân nộp thuế có thể tải bộ cài và tài liệu hướng dẫn sử dụng ứng dụng HTKK tại địa chỉ sau: <http://www.gdt.gov.vn/wps/portal/home/hotrokekhai> hoặc liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế địa phương để được cung cấp và hỗ trợ trong quá trình cài đặt, sử dụng.

Mọi phản ánh, góp ý của tổ chức, cá nhân nộp thuế được gửi đến cơ quan Thuế theo các số điện thoại, hộp thư hỗ trợ NNT về ứng dụng HTKK do cơ quan Thuế cung cấp.

Khấu trừ thuế GTGT, hạch toán chi phí được trừ khi tính thuế TNDN thế nào?

Theo Cục Thuế TP. Hà Nội, Tiết a Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc nguyên tắc lập hóa đơn như sau: Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).

Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính nêu rõ: phải có hóa đơn GTGT hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Đồng thời, có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (chứng từ thanh toán qua ngân hàng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khác...) đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

Theo Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính quy định điều kiện để DN được trừ các khoản chi.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP. Hà Nội hướng dẫn, trường hợp Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng của Công ty TNHH Vincom Retail miền Bắc (VCR), nhưng thực tế Công ty không sử dụng mà cho chi nhánh sử dụng thì các bên xem xét điều chỉnh hợp đồng làm cơ sở để Công ty TNHH Vincom Retail miền bắc (VCR) lập hóa đơn cho chi nhánh theo đúng quy định của pháp luật.

Thông báo về việc khai sai dữ liệu trên hồ sơ khai thuế và hướng dẫn khai bổ sung, điều chỉnh

STT	Tên lỗi sai	Nguyên tắc kê khai	Nội dung khai sai	Hướng dẫn điều chỉnh sửa lỗi sai
I. NHÓM 1: SAI SÓT VỀ SỐ LIỆU TRÊN TỜ KHAI THUẾ GTGT				
Lỗi 1	Kê khai sai chỉ tiêu [22] - “thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang” trên TK mẫu số 01/GTGT.	Tại tờ khai mẫu số 01/GTGT, chỉ tiêu “thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang” (chỉ tiêu [22]) phải bằng chỉ tiêu “thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau” (chỉ tiêu [43]) của tờ khai <u>chính thức kỳ trước liền kề</u>, không thực hiện kê khai chỉ tiêu [22] theo số liệu tại chỉ tiêu [43] của tờ khai bổ sung điều chỉnh kỳ liền kề trước. Số liệu chênh lệch giữa tờ khai bổ sung điều chỉnh và tờ khai chính thức được xử lý như sau: + Khi thực hiện kê khai bổ sung, tại tờ khai bổ sung so với tờ khai chính thức nếu phát sinh tăng, hoặc giảm số thuế phải nộp, thì doanh nghiệp nộp số thuế tăng thêm hoặc giảm số tiền phải nộp và tính tiền chậm nộp (nếu có); + Nếu tờ khai bổ sung so với tờ khai chính thức có tăng hoặc giảm số thuế còn được khấu trừ thì số chênh lệch tăng hoặc giảm số thuế còn được khấu trừ đó phải kê khai vào chỉ tiêu [38] hoặc [37] <u>trên tờ khai kỳ hiện tại</u>	Tờ khai mẫu số 01/GTGT, DN kê khai chỉ tiêu [22] không bằng chỉ tiêu [43] của tờ khai chính thức kỳ trước liền kề. Nguyên nhân sai có thể thuộc 1 trong các trường hợp sau + Một là: DN đã nộp tờ khai chính thức, khi chưa đến hạn nộp tờ khai kỳ tiếp theo, DN phát hiện sai sót làm tăng hoặc giảm chỉ tiêu [43] trên tờ khai chính thức và đã thực hiện nộp tờ khai bổ sung sau đó DN thường lấy số liệu trên chỉ tiêu [43] của <u>tờ khai bổ sung kỳ trước liền kề</u> để đưa vào chỉ tiêu [22] trên tờ khai chính thức kỳ sau thay cho việc tờ khai kỳ sau phải có chỉ tiêu [22] bằng chỉ tiêu bằng chỉ tiêu [43] trên tờ khai chính thức kỳ trước liền kề, đồng thời phải kê khai vào chỉ tiêu [37] hoặc [38] trên tờ khai chính thức kỳ hiện tại số thuế GTGT còn được khấu trừ chênh lệch do kê khai bổ sung hoặc điều chỉnh số liệu tăng giảm các kỳ trước. + Hai là: DN đã điều chỉnh các sai sót không đúng quy tắc điều chỉnh hoặc DN đã chuyển sai số học do lỗi đánh máy, hoặc copy nhầm kỳ v.v.	Để thực hiện kê khai điều chỉnh sửa lỗi khai sai quý DN thực hiện 2 bước sau: + Bước 1: DN thực hiện kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 01/GTGT, kỳ có tờ khai sai, điều chỉnh chỉ tiêu [22] <u>khớp đúng</u> với chỉ tiêu [43] trên tờ khai <u>chính thức kỳ trước liền kề</u>, các chỉ tiêu khác như [40], [41], [43] thay đổi theo logic tính toán khi thay đổi chỉ tiêu [22] + Bước 2: * Đối với lỗi khai sai thuộc nguyên nhân 1 nêu trên: DN kê khai đồng thời vào cả chỉ tiêu [37] và chỉ tiêu [38] của tờ khai kỳ hiện tại. Việc khai đồng thời này điều chỉnh chênh lệch số liệu sai giữa chỉ tiêu [22]- chỉ tiêu [43] và điều chỉnh số liệu chênh lệch do khai bổ sung. * Đối với lỗi sai thuộc nguyên nhân 2 nêu trên: DN kê khai vào chỉ tiêu [37] <u>hoặc</u> chỉ tiêu [38] trên tờ khai chính thức kỳ tính thuế hiện tại với số thuế GTGT còn được khấu trừ chênh lệch giảm hoặc chênh lệch tăng tương ứng.

STT	Tên lỗi sai	Nguyên tắc kê khai	Nội dung khai sai	Hướng dẫn điều chỉnh sửa lỗi sai
I. NHÓM 1: SAI SÓT VỀ SỐ LIỆU TRÊN TỜ KHAI THUẾ GTGT				
Lỗi 2	Kê khai sai chỉ tiêu [21] - “Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang” trên tờ khai mẫu số 02/GTGT	Tại tờ khai mẫu số 02/GTGT, chỉ tiêu “Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang” (chỉ tiêu [21]), phải bằng chỉ tiêu “Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau” (chỉ tiêu [32]) của <u>tờ khai chính thức kỳ trước liền kề</u> Khi thực hiện kê khai bổ sung, tại tờ khai bổ sung so với tờ khai chính thức nếu phát sinh tăng, hoặc giảm số thuế phải nộp, thì DN nộp số thuế tăng thêm hoặc giảm số tiền phải nộp và tính tiền chậm nộp (nếu có) ; nếu tờ khai bổ sung so với tờ khai chính thức có tăng hoặc giảm số thuế còn được khấu trừ thì số chênh lệch tăng hoặc giảm số thuế còn được khấu trừ đó phải kê khai vào chỉ tiêu [25] hoặc [27] <u>trên tờ khai kỳ hiện tại</u>	Trên tờ khai thuế GTGT dùng cho dự án đầu tư mẫu số 02/GTGT DN đã kê khai chỉ tiêu [21] không bằng với chỉ tiêu [32] của <u>tờ khai chính thức kỳ trước liền kề</u>. Nguyên nhân sai có thể thuộc 1 trong các trường hợp sau + Một là: DN đã nộp tờ khai chính thức, khi chưa đến hạn nộp tờ khai tiếp theo, DN phát hiện sai sót và đã thực hiện nộp tờ khai bổ sung, sau đó DN đã lấy số liệu trên chỉ tiêu [32] của <u>tờ khai bổ sung</u> để đưa vào chỉ tiêu [21] trên tờ khai chính thức kỳ sau thay cho việc kê chỉ tiêu [21] bằng chỉ tiêu bằng chỉ tiêu [32] trên tờ khai chính thức kỳ trước liền kề, đồng thời phải kê khai vào chỉ tiêu [25] hoặc [27] trên tờ khai chính thức kỳ hiện tại số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ chênh lệch do kê khai bổ sung hoặc điều chỉnh số liệu tăng giảm các kỳ trước. + Hai là: DN đã điều chỉnh các sai sót không đúng quy tắc điều chỉnh hoặc DN đã chuyển sai số học do lỗi đánh máy, hoặc copy nhầm kỳ v.v.	Để thực hiện kê khai điều chỉnh sửa lỗi khai sai quý DN thực hiện 2 bước sau: + Bước 1: DN thực hiện kê khai bổ sung tờ khai 02/GTGT, kỳ có tờ khai sai, điều chỉnh chỉ tiêu [21] <u>khớp đúng</u> với chỉ tiêu [32] trên tờ khai <u>chính thức kỳ trước liền kề</u>, các chỉ tiêu khác thay đổi theo logic tính toán khi thay đổi chỉ tiêu [21] + Bước 2: * Đối với lỗi khai sai thuộc nguyên nhân 1 nêu trên: DN kê khai đồng thời vào cả chỉ tiêu [25] và chỉ tiêu [27] của tờ khai kỳ hiện tại, (Số thuế chênh lệch giữa chỉ tiêu [21] và chỉ tiêu [32]) Việc khai đồng thời này điều chỉnh chênh lệch số liệu sai giữa chỉ tiêu [21]- chỉ tiêu [32] và điều chỉnh số liệu chênh lệch do khai bổ sung. * Đối với lỗi khai sai thuộc nguyên nhân 2 nêu trên : DN kê khai vào chỉ tiêu [25] hoặc chỉ tiêu [27] trên tờ khai chính thức kỳ tính thuế hiện tại với số thuế GTGT còn được khấu trừ chênh lệch giảm hoặc chênh lệch tăng tương ứng.

STT	Tên lỗi sai	Nguyên tắc kê khai	Nội dung khai sai	Hướng dẫn điều chỉnh sửa lỗi sai
I. NHÓM 1: SAI SÓT VỀ SỐ LIỆU TRÊN TỜ KHAI THUẾ GTGT				
Lỗi 3	Kê khai chỉ tiêu [40b] trên tờ khai 01/GTGT (số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư cùng tỉnh thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ) không bằng chỉ tiêu [28a] trên tờ khai (mẫu 02/GTGT) có cùng nội dung	“Số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với số thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động SXKD cùng kỳ tính thuế” (chỉ tiêu [40b]) trên tờ khai mẫu số 01/GTGT phải khớp với “số thuế GTGT HHDV mua vào dự án đầu tư bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động SXKD cùng kỳ tính thuế” (chỉ tiêu [28a]) trên tờ khai mẫu số 02/GTGT.	Số thuế GTGT trên chỉ tiêu [28a] của tờ khai mẫu số 02/GTGT không khớp với số thuế trên chỉ tiêu [40b] của tờ khai mẫu số 01/GTGT cùng kỳ.	DN thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh tờ khai có sai sót theo cách thức khai bổ sung, điều chỉnh. Trường hợp DN kê khai sai đồng thời tờ khai mẫu số 01/GTGT và 02/GTGT thì phải thực hiện khai bổ sung cho 2 tờ khai trên cùng một thời điểm.
Lỗi 4	Người nộp thuế đã kê khai chỉ tiêu [40b] - Số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư cùng tỉnh thành phố trực thuộc trung ương được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ trên tờ khai mẫu số 01/GTGT nhưng không nộp tờ khai GTGT mẫu số 02/GTGT cùng kỳ tính thuế	“Số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với số thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động SXKD cùng kỳ tính thuế” (chỉ tiêu [40b]) trên tờ khai mẫu số 01/GTGT phải khớp với “số thuế GTGT HHDV mua vào dự án đầu tư bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động SXKD cùng kỳ tính thuế” (chỉ tiêu [28a]) trên tờ khai mẫu số 02/GTGT.	DN đã kê khai chỉ tiêu [40b] trên tờ khai 01/GTGT nhưng lại không nộp tờ khai GTGT mẫu số 02/GTGT cùng kỳ tính thuế.	DN nộp tờ khai mẫu số 02/GTGT cùng kỳ tính thuế với tờ khai mẫu số 01/GTGT nêu trên và lưu ý kê khai chỉ tiêu [28a] khớp đúng với chỉ tiêu [40b] đã kê khai trên tờ khai mẫu số 01/GTGT

STT	Tên lỗi sai	Nguyên tắc kê khai	Nội dung khai sai	Hướng dẫn điều chỉnh sửa lỗi sai
I. NHÓM 1: SAI SÓT VỀ SỐ LIỆU TRÊN TỜ KHAI THUẾ GTGT				
Lỗi 5	Kê khai sai chỉ tiêu [42] – “Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn” lớn hơn chỉ tiêu [41] - “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này” trên tờ khai mẫu số 01/GTGT	“Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn”(chỉ tiêu [42]) luôn luôn nhỏ hơn hoặc bằng “số thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”(chỉ tiêu [41]) trên tờ khai mẫu số 01/GTGT.	“Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn” trên chỉ tiêu [42] lớn hơn “số thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này” trên chỉ tiêu [41] của tờ khai mẫu số 01/GTGT cùng kỳ.	DN kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 01/GTGT của kỳ tính thuế có sai sót để kê khai lại chính xác số liệu tại chỉ tiêu [42] theo nguyên tắc nhỏ hơn hoặc bằng số liệu kê khai tại chỉ tiêu [41].
Lỗi 6	Kê khai thiếu số và ngày Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Quyết định hoàn giảm trừ thu NSNN trên tờ khai 01/GTGT	Khi kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 01/GTGT, DN chỉ kê khai vào phần C - Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm trên Phụ lục 01/KHBS khi DN tự phát hiện số thuế GTGT đã được cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế nay phải nộp trả NSNN. Đồng thời DN cần phải kê khai đầy đủ thông tin về số và ngày của Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Quyết định hoàn trả giảm trừ thu NSNN.	Có thể thuộc những trường hợp sau: + Trường hợp 1: DN đã kê khai vào phần C - Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm trên Phụ lục 01/KHBS khi khai bổ sung điều chỉnh thuế GTGT không phải là khoản thuế đã được cơ quan thuế giải quyết hoàn. + Trường hợp 2: DN kê khai số tiền thuế GTGT đã được cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế nay phải nộp trả NSNN nhưng kê thiếu thông tin về số và ngày của Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc QĐ hoàn giảm trừ thu NSNN.	+ Nếu lỗi sai thuộc trường hợp 1: DN kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 01/GTGT và xóa các thông tin đã kê khai tại phần C - Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm trên Phụ lục 01/KHBS. + Nếu lỗi sai thuộc trường hợp 2: DN kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 01/GTGT và bổ sung thêm thông tin về số, ngày của Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Quyết định hoàn trả giảm trừ thu NSNN.
Lỗi 7	DN không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế nhưng khi kê khai lại tích vào ô gia hạn trên tờ khai	DN chỉ tích vào ô gia hạn trên Tờ khai thuế nếu thuộc các đối tượng được gia hạn quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc được gia hạn theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.	DN không thuộc đối tượng được gia hạn nhưng khi kê khai thuế đã tích vào ô “Gia hạn” trên tờ khai.	DN xác định đúng đối tượng được gia hạn nộp thuế. Nếu DN không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thì DN khai bổ sung điều chỉnh kỳ tính thuế có sai sót và bỏ nút tích ở ô gia hạn trên tờ khai.

STT	Tên lỗi sai	Nguyên tắc kê khai	Nội dung khai sai	Hướng dẫn điều chỉnh sửa lỗi sai
II. NHÓM 2: SAI SÓT VỀ SỐ LIỆU TRÊN TỜ KHAI THUẾ TNCN				
Lỗi 8	Kê khai sai, thiếu, trùng mã số thuế của cá nhân tại các bảng kê kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu số 05/KK-TNCN	Khi tổ chức, cá nhân kê khai quyết toán thuế TNCN mẫu số 05/KK-TNCN cần kê khai đầy đủ và đúng các thông tin của cá nhân trên các bảng kê 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK - TNCN, 05 - 3/BK - TNCN nộp cùng tờ khai 05/KK-TNCN thiếu, trùng hoặc không đúng.	Thông tin về mã số thuế của cá nhân trên các bảng kê 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK - TNCN, 05 - 3/BK - TNCN nộp cùng tờ khai 05/KK-TNCN thiếu, trùng hoặc không đúng.	DN kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 05/KK-TNCN kỳ tính thuế có sai sót để kê bổ sung đầy đủ hoặc sửa lại mã số thuế đúng của cá nhân tại những dòng sai trên các bảng kê 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK - TNCN, 05 - 3/BK - TNCN mà cơ quan thuế thông báo.
Lỗi 9	Kê khai sai, thiếu, trùng mã số thuế trên bảng kê kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu số 06/KK-TNCN	Khi người nộp thuế kê khai tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu số 06/KK-TNCN cần kê khai đầy đủ và đúng các thông tin của cá nhân tại bảng kê 06-1/BK-TNCN.	Người nộp thuế kê khai thiếu, trùng hoặc sai thông tin về mã số thuế của cá nhân trên bảng kê 06-1/BK-TNCN nộp cùng tờ khai mẫu số 06/KK-TNCN.	DN kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 06/KK-TNCN kỳ tính thuế có sai sót để bổ sung hoặc sửa lại mã số thuế đúng của cá nhân tại những dòng sai trên bảng kê 06-1/BK-TNCN mà cơ quan thuế thông báo.
III. NHÓM 3: SAI SÓT VỀ SỐ LIỆU KÊ KHAI TRÊN TỜ KHAI THUẾ TNDN				
Lỗi 10	Kê khai thiếu số và ngày Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu NSNN trên tờ khai mẫu số 03/TNDN	Khi kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 03/TNDN, DN chỉ kê khai vào phần C - Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm trên Phụ lục 01/KHBS khi DN tự phát hiện số thuế TNDN đã được cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế nay phải nộp trả NSNN. Đồng thời DN cần phải kê khai đầy đủ thông tin về số và ngày của Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Quyết định hoàn trả kiêm bù trừ thu NSNN.	Có thể thuộc những trường hợp sau: + Trường hợp 1: DN đã kê khai vào phần C - Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm trên Phụ lục 01/KHBS khi khai bổ sung điều chỉnh thuế TNDN không phải là khoản thuế đã được cơ quan thuế giải quyết hoàn. + Trường hợp 2: DN kê khai số tiền thuế TNDN đã được cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế nay phải nộp trả NSNN nhưng kê thiếu thông tin về số và ngày của Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc QĐ hoàn trả kiêm bù trừ thu NSNN.	+ Nếu lỗi sai thuộc trường hợp 1: DN kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 03/TNDN và xóa các thông tin đã kê khai tại phần C - Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm trên Phụ lục 01/KHBS. + Nếu lỗi sai thuộc trường hợp 2: DN kê khai bổ sung tờ khai mẫu số 03/TNDN và bổ sung thêm thông tin về số, ngày của Quyết định hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Quyết định hoàn trả kiêm bù trừ thu NSNN.

STT	Tên lỗi sai	Nguyên tắc kê khai	Nội dung khai sai	Hướng dẫn điều chỉnh sửa lỗi sai
IV. NHÓM 4: SAI SÓT VỀ CÁCH THỨC, PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI				
Lỗi 11	Tờ khai trùng số lần kê khai bổ sung trong cùng một kỳ tính thuế.	Sau thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, DN phát hiện tờ khai chính thức (chỉ tiêu [02] lần đầu) có sai sót thì thực hiện lập tờ khai bổ sung lần 1. Nếu phát hiện tờ khai bổ sung lần 1 vẫn có sai sót thì DN thực hiện khai bổ sung lần 2,...không lập tờ khai bổ sung trùng lần trong cùng 1 kỳ khai thuế.	Khi phát hiện tờ khai bổ sung bị sai sót DN khai lại nhưng ghi số lần điều chỉnh, bổ sung trùng với lần bổ sung của tờ khai điều chỉnh đã gửi lần trước trong cùng 1 kỳ khai thuế.	DN thực hiện kê khai bổ sung tờ khai của kỳ tính thuế có sai sót với số lần khai bổ sung phải bằng lần bổ sung của tờ khai bổ sung liền trước <u>cộng thêm 1</u> .
Lỗi 12	DN kê khai sai trạng thái tờ khai: DN đã nộp tờ khai chính thức, sau hạn nộp tờ khai DN lại tiếp tục nộp tờ khai chính thức thay vì phải nộp tờ khai bổ sung.	Trường hợp DN đã nộp tờ khai chính thức, khi đã hết hạn nộp tờ khai chính thức mới phát hiện tờ khai chính thức đã nộp bị sai sót thì phải kê khai và nộp tờ khai bổ sung, không được nộp lại tờ khai chính thức thay thế. Việc nộp tờ khai chính thức thay thế chỉ được thực hiện khi tờ khai này vẫn còn trong hạn nộp hoặc đã quá hạn nộp nhưng DN chưa nộp tờ khai chính thức nào của kỳ kê khai đó	DN đã nộp tờ khai chính thức đúng hạn, sau thời hạn nộp mới phát hiện tờ khai chính thức sai sót, DN nộp lại tờ khai chính thức thay vì nộp tờ khai bổ sung.	DN thực hiện kê khai bổ sung đối với tờ khai có sai sót và gửi lại cho cơ quan thuế tờ khai đã điều chỉnh, bổ sung.
Lỗi 13	DN khai trùng kỳ tính thuế	DN chỉ thực hiện kê khai thuế GTGT theo tháng hoặc quý (theo chu kỳ ổn định), không được thực hiện kê khai đồng thời kỳ tính thuế theo tháng và quý.	DN đã thực hiện kê khai 1 hoặc 2 tháng trong quý, sau đó DN nộp tờ khai quý hoặc DN đã kê khai tờ khai theo quý sau đó nộp tờ khai các tháng thuộc quý đó.	DN xác định đúng đối tượng phải nộp tờ khai tháng hay quý để thực hiện kê khai. Trường hợp kê khai sai thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện hủy tờ khai sai kỳ tính thuế và cập nhật tờ khai có kỳ tính thuế đúng vào ứng dụng.
Lỗi 14	DN thực hiện kê khai sai phương pháp tính thuế	DN chỉ thực hiện kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp tính trực tiếp (theo chu kỳ ổn định).	DN đã kê khai sai mẫu tờ khai thuế GTGT so với phương pháp tính thuế GTGT DN đang áp dụng.	Trường hợp DN kê khai sai DN phải thông báo với cơ quan thuế để cơ quan thuế thực hiện hủy tờ khai sai và cập nhật tờ khai đúng vào ứng dụng.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|--|
| 23 | Nghị định số:28/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ. |
| 23 | Thông tư số:01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 03 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| 24 | Thông tư số:14/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính. |



Nghị định số:28/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 01 tháng 03 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2020/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2020.

Theo đó, vi phạm quy định về thực hiện hợp đồng lao động bị phạt đến 150 triệu đồng; phạt tiền từ 1-3 triệu đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động nhưng không báo cho người lao động trước 03 ngày làm việc hoặc không thông báo rõ thời hạn làm tạm thời hoặc bố trí công việc không phù hợp với sức khỏe, giới tính của người lao động. Phạt tiền từ 50-75 triệu đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi cưỡng bức lao động, ngược đãi người lao động mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghị định nêu rõ: Các mức phạt tiền nêu trên là mức phạt đối với cá nhân. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân./

Thông tư số:01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 03 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 13/3/2020, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Cụ thể, cơ cấu lại thời hạn trả nợ là số dư nợ gốc và/hoặc lãi khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính.

Thứ hai, phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch Covid-19.

Thứ ba, khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch Covid-19.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 13/3/2020.

Thông tư số:14/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Thông tư 14/2020/TT-BTC nêu rõ, giảm giá từ 10% - 50% đối với 9 dịch vụ, trong đó: Giảm 10% đối với 3 dịch vụ bao gồm: dịch vụ giao dịch trên thị trường cơ sở, thị trường phái sinh; dịch vụ lưu ký chứng khoán. Giảm từ 15%-20% đối với 2 dịch vụ bao gồm: dịch vụ quản lý vị thế, quản lý tài sản ký quỹ trên thị trường chứng khoán phái sinh. Giảm từ 30%-50% đối với 4 dịch vụ bao gồm: dịch vụ quản lý niêm yết chứng quyền có bảo đảm; dịch vụ thực hiện quyền; dịch vụ chuyển khoản chứng khoán; dịch vụ đấu giá, chào bán cạnh tranh.

Bên cạnh đó, miễn hoàn toàn đối với 6 dịch vụ bao gồm: dịch vụ đăng ký niêm yết; đăng ký chứng khoán; dịch vụ kết nối trực tuyến lần đầu; dịch vụ vay, cho vay chứng khoán qua hệ thống VSD; đăng ký thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh; đăng ký thành viên bù trừ.

Việc điều chỉnh giá dịch vụ sẽ áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.. thông tư sửa đổi cũng quy định các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán (công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại) trên cơ sở mức giảm giá dịch vụ tại sở giao dịch chứng khoán và VSD, thực hiện ngay việc giảm giá dịch vụ tương ứng tại đơn vị mình để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2020.

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 04/2020

26	Quyết định
26 - 27	Nghị định
28 - 31	Thông tư



QUYẾT ĐỊNH

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Quyết định 06/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam	BH: 21/02/2020 HL: 15/04/2020
2	Quyết định 08/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam	BH: 05/03/2020 HL: 25/04/2020

NGHỊ ĐỊNH

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Nghị định 21/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở	BH: 17/02/2020 HL: 01/04/2020
2	Nghị định 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước	BH: 17/02/2020 HL: 01/04/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
3	Nghị định 18/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ.	BH: 11/02/2020 HL: 01/04/2020
4	Nghị định 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	BH: 17/01/2020 HL: 01/04/2020
5	Nghị định 23/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông	BH: 24/02/2020 HL: 10/04/2020
6	Nghị định 28/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	BH: 01/03/2020 HL: 15/04/2020
7	Nghị định 27/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam	BH: 01/03/2020 HL: 15/04/2020
8	Nghị định 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử	BH: 03/02/2020 HL: 15/04/2020
9	Nghị định 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư	BH: 28/02/2020 HL: 20/04/2020

THÔNG TƯ

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Thông tư 03/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh	BH: 25/02/2020 HL: 01/04/2020
2	Thông tư 02/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước tối đa dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020	BH: 14/02/2020 HL: 01/04/2020
3	Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã	BH: 19/02/2020 HL: 01/04/2020
4	Thông tư 02/2020/TT-BNG của Bộ Ngoại giao về việc tổ chức giải quyết công tác lãnh sự	BH: 14/02/2020 HL: 01/04/2020
5	Thông tư 37/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Y tế	BH: 30/12/2019 HL: 01/04/2020
6	Thông tư 01/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản	BH: 07/02/2020 HL: 01/04/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
7	Thông tư 21/2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông	BH: 31/12/2019 HL: 01/04/2020
8	Thông tư 28/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng	BH: 25/12/2019 HL: 01/04/2020
9	Thông tư 34/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về hệ thống thông tin năng lượng	BH: 28/11/2019 HL: 01/04/2020
10	Thông tư 16/2019/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa	BH: 05/12/2019 HL: 01/04/2020
11	Thông tư 14/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Phương tiện bảo vệ cá nhân - giày ủng an toàn	BH: 16/09/2019 HL: 01/04/2020
12	Thông tư 13/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa	BH: 16/09/2019 HL: 01/04/2020
13	Thông tư 08/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa	BH: 18/02/2020 HL: 03/04/2020
14	Thông tư 09/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	BH: 18/02/2020 HL: 03/04/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
15	Thông tư 11/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế	BH: 20/02/2020 HL: 06/04/2020
16	Thông tư 18/2020/TT-BCA của Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân	BH: 20/02/2020 HL: 06/04/2020
17	Thông tư 03/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước	BH: 24/02/2020 HL: 09/04/2020
18	Thông tư 04/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin	BH: 24/02/2020 HL: 09/04/2020
19	Thông tư 10/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước	BH: 20/02/2020 HL: 10/04/2020
20	Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định tiêu chí kinh tế trang trại	BH: 28/02/2020 HL: 14/04/2020
21	Thông tư 02/2020/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy công vụ của Cảng vụ hàng hải	BH: 21/02/2020 HL: 15/04/2020
22	Thông tư 03/2020/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam	BH: 21/02/2020 HL: 15/04/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
23	Thông tư 05/2020/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2018/TT-BGTVT ngày 10/01/2018 quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP	BH: 26/02/2020 HL: 15/04/2020
24	Thông tư 12/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung mục II phần A Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	BH: 03/03/2020 HL: 17/04/2020
25	Thông tư 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	BH: 03/03/2020 HL: 20/04/2020
26	Thông tư 13/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	BH: 06/03/2020 HL: 20/04/2020

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

